

Số: /SNN-TL

Bình Định, ngày tháng năm 2020

V/v ý kiến phương án quy hoạch chi  
tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch  
nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe  
Hội Vân

Kính gửi: Sở Xây dựng Bình Định

Sở Xây dựng Bình Định có văn bản số 1154/SXD-QHKT ngày 28/5/2020 về việc lấy ý kiến phương án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe Hội Vân (kèm theo file mềm thuyết minh và hồ sơ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500); sau khi xem xét báo cáo của Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

**1.** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe Hội Vân (gọi tắt là Khu quy hoạch) có tổng diện tích 24,24 ha; nằm trong quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân, huyện Phù Cát được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 25/10/2019.

**2.** Suối Hội Vân là một chi lưu của lưu vực sông Côn, chưa có nghiên cứu về dòng chảy lũ cho chi lưu này.

Năm 2014, công trình hệ thống kênh tưới Văn Phong được xây dựng hoàn thành do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư; hệ thống này tác động trực tiếp vào dòng chảy lũ của suối Hội Vân. Trong phạm vi quy hoạch có 9 cống thoát lũ qua kênh và chảy vào suối Hội Vân (có thống kê các thông số kỹ thuật kèm theo 9 cống thoát lũ để tư vấn tham khảo, tính toán dòng chảy lũ và các công trình trong phạm vi quy hoạch).

### **3. Xác định các tuyến kè**

Theo đồ án quy hoạch, các tuyến kè có nhiệm vụ chống xói lở bờ suối và tạo cảnh quan. Do đó, cần giữ và tôn trọng bề rộng tối thiểu lòng suối theo tự nhiên. Trong quy hoạch này, cần thể hiện các tuyến kè phải liên tục; đặc biệt, phải quan tâm bố trí kè bảo vệ bờ phía bờ lõm của suối.

**4.** Xây dựng công trình dâng nước để tạo cảnh quan, môi trường trong khu quy hoạch là cần thiết. Tuy nhiên, cần phải được tính toán, lựa chọn bảo đảm khẩu độ thoát lũ và ổn định công trình.

### **5. Vị trí hai trạm xử lý nước thải**

Hai trạm xử lý nước thải đặt hai phía bờ suối và lấn dòng chảy lũ, cần tính thủy lực để xác định khẩu độ thoát lũ, làm cơ sở chọn vị trí trạm xử lý nước thải cho phù hợp.

Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như trên, đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- PGĐ phụ trách Sở Trần Văn Phúc;
- PGĐ Đào Văn Hùng;
- Phòng QLXDCT;
- Lưu VT, CCTL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đào Văn Hùng**

**PHỤ LỤC**  
**Thông số kỹ thuật cống tiêu**

| TT | Tên công trình              | Lý trình | Tọa độ VN2000, Múi 3 độ |            | Khẩu độ (m)         | Diện tích lưu vực (km <sup>2</sup> ) | Lưu lượng lũ qua cống (m <sup>3</sup> /s) | Cao độ cửa vào | Cao độ cửa ra |
|----|-----------------------------|----------|-------------------------|------------|---------------------|--------------------------------------|---|----------------|---------------|
|    |                             |          | X                       | Y          |                     |                                      |   |                |               |
| 1  | CT38                        | K21+039  | 1550256.332             | 582160.692 | 2xD1500             | 0,22                                 | 7,14                                      | 19,96          | 20,06         |
| 1a | Kết hợp tràn ra             |          |                         |            | Dài 20m, rộng 6,5m  |                                      |   |                |               |
| 2  | CT39                        | K21+282  | 1550489.137             | 582226.896 | 2V 2.5x2m           | 4,88                                 | 54,23                                     | 18,43          | 18,43         |
| 2a | Tràn ra trên cống tiêu CT39 |          |                         |            | Dài 16m, rộng 9,11m |                                      |   |                |               |
| 3  | CT40                        | K21+767  | 1550870.183             | 582484.754 | 2xD1500             | 0,41                                 | 4,88                                      | 18,43          | 18,43         |
| 4  | CT41                        | K22+340  | 1551128.854             | 582975.329 | 3V 2.5x2m           | 5,7                                  | 54,93                                     | 17,50          | 16,50         |
| 5  | CT42                        | K23+386  | 1551655.819             | 583965.038 | 2xD1500             | 0,99                                 | 12,31                                     | 19,08          | 19,04         |
| 6  | CT43                        | K23+815  | 1551823.824             | 584297.077 | 3V 2.5x2m           | 8,48                                 | 78,55                                     | 16,27          | 16,17         |
| 7  | CT44                        | K24+306  | 1551705.213             | 584736.240 | 2xD1500             | 0,72                                 | 13,83                                     | 18,43          | 18,42         |
| 8  | CT45                        | K24+698  | 1551541.488             | 584975.112 | 2xD1500             | 0,35                                 | 12,01                                     | 19,50          | 18,76         |
| 9  | CT46                        | K25+277  | 1551182.666             | 585508.759 | 2xD1500             | 0,91                                 | 13,88                                     | 18,59          | 18,32         |

**Ghi chú:**

- 2V 2.5x2m: Nghĩa là 2 cống hộp kích thước BxH=(2,5x2)m.
- 2xD1500: Nghĩa là 2 cống tròn đường ống ống 1,5m.
- Diện tích lưu vực đến cửa vào công trình tiêu.
- Lý trình và cao độ được lấy theo lý trình đã thiết kế kênh Văn Phong.

### Tuyến kênh chính Văn Phong và vị trí các cống tiêu

